

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ  
NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

SỞ XÂY DỰNG **Kính gửi:**

ĐẾN Số:.....  
Ngày: 10/6/26

Chuyên:.....

Số và ký hiệu HS:.....

- Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Việt Thanh công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

**1. Thông tin Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**1.1. Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Việt Thanh**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2301134226 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 05 năm 2020 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29 tháng 11 năm 2021 Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp;

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Hưng Phúc, phường Tam Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Đại diện pháp luật: **Nguyễn Tuấn Kiên** Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 2301134226

Website: <https://vietthanhconstruction.com/>

Điện thoại: 0987.615.661

Email: [vietthanh1226@gmail.com](mailto:vietthanh1226@gmail.com)

**1.2. Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng**

Khu phố Hưng Phúc, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0987.615.661

Email: [vietthanh1226@gmail.com](mailto:vietthanh1226@gmail.com)

Trưởng phòng thí nghiệm: **Trần Tiến Mạnh**

**1.3. Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường (nếu có): Không**

**2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng: (Danh mục kèm theo Quyết định này)**

**2.2. Danh mục máy móc thiết bị: (Danh mục kèm theo Quyết định này)**

**2.3. Danh mục cán bộ, thí nghiệm viên: (Danh mục kèm theo Quyết định này)**

**2.4. Quyết định này được công bố công khai tại (Wed: <https://vietthanhconstruction.com/>)**

Công ty TNHH thương mại và xây dựng Việt Thanh cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Web; <https://vietthanhconstruction.com/>
- SXD tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu: VT

**GIÁM ĐỐC**



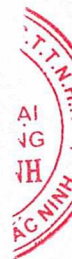
**Nguyễn Tuấn Kiên**

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT**  
(Kèm theo quyết định số: Số: 0906/2026/QĐ-CBNL ngày 09 tháng 06 năm 2026 của  
Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Việt Thanh)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>PHÉP THỬ CƠ LÝ XI MĂNG, PHỤ GIA KHOÁNG</b>			
1	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009	Cân kỹ thuật, thùng đựng, bay xúc	Trần Tiến Mạnh Trần Huy Hoàng Nguyễn Việt Anh
2	Độ mịn, khối lượng riêng, thành phần của xi măng	TCVN 13605:2023 TCVN 141:2023	Sàng, bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, máy hút chân không, con lắc va đập	
3	Xác định cường độ uốn, nén	TCVN 6017:2015 TCVN 6016:2011 TCVN 7569:2022 TCVN 9488:2012	Máy nén thủy lực, thước kẹp, gá nén, uốn...	
4	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn và thời gian ninh kết, ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 TCVN 9488:2012	Bộ Kim vica, đồng hồ bấm giờ, cân kỹ thuật, ống đồng...	
5	Xác định thời gian đông kết của vữa xi măng bằng kim vicat cải tiến, hàm lượng bọt khí	TCVN 8875:2012 TCVN 8876:2012	kim Vicat, khuôn vữa, máy trộn, bộ cân	
<b>II</b>	<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>			
6	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022	Khuôn đúc mẫu 150x150x600mm, 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, que chọc, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm	Trần Tiến Mạnh Trần Huy Hoàng Nguyễn Việt Anh
7	Xác định độ sụt, độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông.	TCVN 3106:2022	Côn thử độ sụt, thước thép, cối trộn, khuôn ...	
8	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 :1993	Thùng đóng Cân điện tử sai số 50g	
9	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022	Bàn rung Khuôn 200x200x200mm Cân điện tử sai số 0,1g Tủ sấy	
10	Xác định, phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993	Thùng trộn Cân điện tử 50kg Tủ sấy Bộ sàng cát	
11	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022	Bình thủy tinh, Cân điện tử sai số 0,01g	

			Sàng 5mm; 1,25mm ; 0,125mm Bình hút ẩm Hoá chất H2SO4 Tủ sấy	
12	Xác định độ hút nước, độ ẩm	TCVN 3113:2022	Cân điện tử sai số 0,1g Thùng ngâm mẫu Tủ sấy Bình hút ẩm	
13	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Thùng đong Cân điện tử sai số 0,1g	
14	Xác định độ chống thấm nước, chiều sâu thấm nước dưới áp lực	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm tủ sấy 300 <sup>0</sup> c.	
15	Xác định giới hạn bền khi nén, khuyết tật ngoại quan	TCVN 3118:2022	Máy nén thủy lực 200 tấn	
16	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119 : 2022	Máy nén thủy lực 200 tấn Gá uốn bê tông 2 điểm	
<b>III</b>	<b>THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, VẬT LIỆU ĐÁ DẪM</b>			
17	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật (chính xác 1%); dụng cụ lấy mẫu	Trần Tiến Mạnh Trần Huy Hoàng Nguyễn Việt Anh
18	Thành phần cỡ hạt cốt liệu lớn, nhỏ, mô đun độ lớn của cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-02:2006, TCVN 6221:1997, TCVN 9205:2012	Cân điện tử sai số 0,1g Cân điện tử sai số 1g Sàng 0,075mm	
19	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước, tỷ trọng khối	TCVN 7572-04:2006 TCVN 7572-05:2006 TCVN 8735:2012	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật 6kg (0,1g), bình hút ẩm, tủ sấy 300 <sup>0</sup> C (±1 °C), bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối mã não, thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, cân thử độ ẩm cốt liệu, máy sấy tốc, que chọc thủy tinh, sàng kích thước 5mm và 0.14mm	
20	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hỏng	TCVN 7572-06:2006 TCVN 6221:1997	Thùng đong Cân điện tử sai số 1g Phiếu xốp đá, cát Tủ sấy	
21	Xác định độ ẩm, hàm lượng mất đi khi đun sôi	TCVN 7572-07:2006 TCVN 6221:1997	Cân điện tử sai số 1g Tủ sấy	
22	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục, hạt sét trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-08:2006 TCVN 344:1986	Thùng đong Cân điện tử sai số 1g Thùng rửa cát, đá Tủ sấy	
23	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Ống đong Cân điện tử sai số 0,1g Sàng 20mm Bảng màu chuẩn Hoá chất: NaOH	

24	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén thủy lực, Máy khoan, Máy cưa, Thùng ngâm	
25	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006, TCVN 6221:1997	Máy nén thủy lực Bộ nén đập xi lanh Cân điện tử sai số 1g Bộ sàng tiêu chuẩn Tủ sấy Thùng ngâm mẫu	
26	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Log Angeles)	TCVN 7572-12:2006	Máy Los Angeles Cân điện tử sai số 0,1g Bộ sàng thí nghiệm Tủ sấy	
27	Xác định hàm lượng hạt thoi, dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân điện tử sai số 0,1g Thước đo dài dẹt Bộ sàng tiêu chuẩn Tủ sấy	
28	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006	Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy Sàng tiêu chuẩn Kim sắt	
29	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân điện tử 0,001g Tủ sấy Sàng tiêu chuẩn Đũa thủy tinh	
30	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419 AASHTO T176	Bộ dụng cụ đương lượng cát	
<b>IV THỬ NGHIỆM HỖN HỢP VỮA</b>				
31	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-01:2022	Bộ sàng tiêu chuẩn Cân điện tử sai số 0,1g Tủ sấy	Trần Tiến Mạnh Trần Huy Hoàng Nguyễn Việt Anh
32	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3121-2:2022	Cân 6kg, thùng chứa có nắp, bay xèng	
33	Xác định độ lưu động, độ chảy xòe của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C939	Bàn dẫn Cân điện tử sai số 1g	
34	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân điện tử sai số 1g Bình đong 1L	
35	Xác định khả năng giữ độ lưu động	TCVN 3121-8:2022	Phễu đo lưu động vữa Bình tam giác 1000ml Bơm hút chân không Đồng hồ bấm giây	
36	Xác định thời gian bắt đầu đông kết	TCVN 3121-9:2022	Bộ kim Vica Đồng hồ bấm giây	
37	Xác định khối lượng thể tích của vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân điện tử sai số 1g Tủ sấy Thước kẹp Cân thủy tĩnh	
38	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022	Khuôn 40x40x160mm Máy nén thủy lực 30 tấn Thùng hấp mẫu xi măng	
39	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022	Cân điện tử sai số 1g Ống đong 1000ml Máy trộn Thùng ngâm mẫu	



			Máy đo cường độ bám dính đầu kéo	
<b>V</b>	<b>KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, KIM LOẠI</b>			
40	Xác định kích thước, hình dạng, số sợi, đường kính, trọng lượng, khuyết tật	TCVN 1651:2018; TCVN 12513:2014; TCVN 7571-16:2006; TCVN 4795:1989	Cân kỹ thuật (0,1g), Thước thép 500mm	Trần Tiến Mạnh Trần Huy Hoàng Nguyễn Việt Anh
41	Thử kéo, giới hạn chảy, giới hạn bền, độ giãn dài tương đối.	TCVN 1651:2018, TCVN 197-1:2014, TCVN 7937:2013, TCVN 13711-2:2023	Máy thử kéo – nén 1000KN Ngàm kẹp kéo, Cân kỹ thuật (0,1g), thước thép 500mm.	
42	Thử uốn, thử mối	TCVN 1651:2018, TCVN 198:2014, TCVN 6287:1997	Máy thử kéo – nén 1000KN, Thước thép 500mm, Gối uốn	
43	Thử phá hủy mối hàn kim loại - thử uốn, thử kéo, thử kéo ngang, kéo dọc, va đập	TCVN 8310:2010, TCVN 8311:2010, TCVN 5401:2010, TCVN 5402:2010, TCVN 5403:2010	Máy thử kéo – nén 1000KN Ngàm kẹp kéo, Cân kỹ thuật (0,1g), thước thép 500mm.	
44	Kiểm tra kích thước khuyết tật bu lông, vít, vít cấy, đai ốc: Thử kéo, lực cắt, lực xiết	TCVN 1916:1995 TCVN 10865-3:2015 TCVN 197:2014 TCVN 4795:1989 TCVN 4796:1989 TCVN 8298:2009	Máy thử kéo – nén 1000KN Ngàm kéo, Cân kỹ thuật (0,1g), thước thép 500mm.	
45	Thử kéo thép cốt bê tông mối nối bằng ống ren	TCVN 8163	Máy thử kéo nén 1000KN Ngàm kéo	
46	Cáp dự ứng lực – Xác định cường độ, độ giãn dài	ASTM A370	Máy thử kéo nén 1000KN Ngàm kéo	
47	Thí nghiệm độ tụt nêm, neo cho cáp dự ứng lực	TCVN 10568:2017	Kích thủy lực Bộ gá nêm, neo	
48	Lưới thép hàn, rọ đá, thâm đá – thử kéo, thử uốn, thử cắt mối hàn lưới kim loại, độ giãn dài mối hàn	TCVN 9391:2012	Máy thử kéo – nén 1000KN Ngàm kẹp kéo, Cân kỹ thuật (0,1g), thước thép 500mm.	
49	Thí nghiệm cơ lý nhôm, và hợp kim nhôm: xác định kích thước, thử kéo, độ giãn dài, độ cứng	TCXDVN 330:2004 TCVN12513:2018	Máy thử kéo – nén 1000KN Ngàm kẹp kéo, Cân kỹ thuật (0,1g), thước thép 500mm. thước kẹp	
<b>VI</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CÁT ĐẬP, CÁP PHỐI ĐÁ DÀM, SỎI, VẬT LIỆU DẠNG HẠT, ĐẤT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH, XI MĂNG ĐẤT</b>			

50	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa	Trần Tiến Mạnh Trần Huy Hoàng Nguyễn Việt Anh
51	Xác định khối lượng riêng, tỷ trọng, khối lượng thể tích	TCVN 4195:2012	Nước cất Dầu hoả Cân kỹ thuật sai số 0,01g Bình tỷ trọng cối chày sứ Tủ sấy Bơm chân không Tỷ trọng kế	
52	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy Cân điện tử sai số 0,01g Bình hút ẩm hộp nhôm Sàng 1mm Búa, bay trộn,	
53	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-4:2024, TCVN 4197:2012	Bộ thí nghiệm vaxiliep Bộ giới hạn dẻo Bộ giới hạn chảy Cân điện tử 0,1g	
54	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014	Bộ sàng Cân điện tử sai số 5g Cân điện tử sai số 1g Tủ sấy Máy lắc sàng Nhiệt kế thủy tinh sai số 0,5 độ Dụng cụ thủy tinh	
55	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:1995	Máy cắt đất 2 tốc độ Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy	
56	Xác định tính nén lún, lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012	Máy nén đất tam liên Cân điện tử sai số 0,01g Tủ sấy	
57	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012, TCVN 12790:2020	Cối chày đầm chặt Cân điện tử sai số 0,1g Tủ sấy	
58	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012	Dao vòng Thước cặp Cân điện tử sai số 0,01g Cân điện tử sai số 0,1g Cốc thủy tinh Tủ sấy Bình hút ẩm	
59	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020, 22TCN 332:2006	Khuôn CBR, Máy nén CBR, Chày đầm, Tủ sấy Bể ngâm mẫu Cân điện tử sai số 0,01g Sàng 19 và 4,75mm	
60	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2434	Bảng Thấm Tủ sấy Cân điện tử sai số 0,01g Sàng rây	



			Đồng hồ bấm giây	
61	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012, TCVN 7376:2004	Tủ sấy Bình hút ẩm Cân điện tử sai số 0,1 Cân điện tử sai số 0,01 Sàng thí nghiệm cỡ 0,25mm và 2mm Ống đong thủy tinh Bình tam giác Hóa chất Giấy lọc	
62	Xác định góc nghỉ tự nhiên	TCVN 8724:2012	Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên, thùng chứa nước, sàng, hóa chất,...	
<b>VII</b>	<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>			
63	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall của bê tông nhựa	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927 AASHTO T245	Máy nén Marshall Cân điện tử sai số 0,1g Thiết bị trộn, gia nhiệt, khuôn, Tủ sấy	Trần Tiến Mạnh Trần Huy Hoàng Nguyễn Việt Anh
64	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm của bê tông nhựa	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T164 ASTM D2172	Máy quay ly tâm tách nhựa Tủ sấy, giấy lọc, cân, khay Bình hút ẩm	
65	Xác định thành phần hạt của bê tông nhựa	TCVN 8860-3:2011, TCVN 7572-2:2006 AASHTO T27 ASTM C136/C136M	Sàng tiêu chuẩn Tủ sấy Cân điện tử sai số 0,1g	
66	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041 AASHTO T209	Bình đung mẫu, cân, máy hút chân không, tủ sấy,...	
67	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726 AASHTO T166 AASHTO T176	Cân thủy tĩnh sai số 0,1g Bàn cân thủy tĩnh Tủ sấy, nhiệt kế	
68	Xác định độ chảy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-6:2011; ASTM 6390 AASHTO T305	Cân thủy tĩnh sai số 0,1g Tủ sấy, đĩa kim loại, rọ đung mẫu,...	
69	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Cân, ống đong, phễu, tấm kính, khay, dao gạt,...	
70	Xác định hệ số độ chặt lu lèn của bê tông nhựa	TCVN 8860-8:2011	Cân thủy tĩnh, thùng chứa	
71	Xác định độ rỗng dư của bê tông nhựa	TCVN 8860-9:2011; AASHTO T269-2022; ASTM D3203-2022	Tính toán	

72	Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa	TCVN 8860-10:2011	Tính toán	
73	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-11:2011	Tính toán	
74	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Máy nén Marshall Cân điện tử sai số 0,1g Máy trộn gia nhiệt Khuôn Tủ sấy	
<b>VII</b>	<b>NHỰA BITUM</b>			
<b>I</b>				
75	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 7494:2005; ASTM 140	Dụng cụ lấy mẫu: can nhựa, thùng nĩa, hộp sữa bò.	Trần Tiến Mạnh Trần Huy Hoàng Nguyễn Việt Anh
76	Xác định độ kéo dài ở 25 <sup>0</sup> C	TCVN 7496:2005; ASTM D113 AASHTO T51	Máy giãn dài nhựa	
77	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36/D36M AASHTO T53	Thiết bị hóa mềm	
78	Xác định điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 7498:2005; ASTM D92 AASHTO T48	Thiết bị bốc cháy nhựa	
79	Xác định lượng tồn thất sau khi đun nóng ở 163 <sup>0</sup> C trong 5h	TCVN 7499:2005; ASTM D6/D6M ASTM D1754 ASTM D2872 AASHTO T179 AASHTO T240	Lò nung, cân kỹ thuật, tủ sấy....	
80	Xác định độ kim lún, PI	TCVN 7495:2005 22TCN 279:2001 ASTM D5/D5M	Máy đo độ kim lún	
81	Xác định lượng hòa tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2005 AASHTO T44 ASTM D 2042	Thiết bị hoà tan Tricloetylen Tủ sấy Hoá chất Tricloetylen	
82	Xác định khối lượng riêng (phương pháp pycnometer)	TCVN 7501:2005, TCVN 11196:2017, 22TCN319:2004, ASTM D2196, ASTM D70/D70M AASHTO T228	Bình tỷ trọng bê tông nhựa Nhiệt kế	
83	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005, ASTM D3625 AASHTO T182	Dây buộc Bình thủy tinh Nước cất Bếp đun Nhiệt kế	
<b>IX</b>	<b>THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA</b>			
84	Xác định lượng mất khi nung của bột khoáng	22TCN 58:1984	Cân kỹ thuật (0.01g) , chén sứ chịu nhiệt, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> c,	Trần Tiến Mạnh Trần Huy Hoàng Nguyễn Việt Anh

			lò nung 1200 <sup>0</sup> c, bình hút ẩm, cọ quét.	
85	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58:1984, TCVN 8735:2012	Bình khối lượng riêng 100ml Cân kỹ thuật (0.01), máy hút chân không, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> c Nhiệt kế, sàng (1,25 và 0,14mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hoá, khăn giấy lâu, bếp cách cát.	
86	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng	22TCN 58:1984	Bình khối lượng riêng 100ml Cân kỹ thuật (0.01), máy hút chân không, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> c Nhiệt kế, sàng (1,25 và 0,14mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hoá, khăn giấy lâu, bếp cách cát.	
87	Xác định chỉ số về hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984	Cân kỹ thuật (0.01g), dụng cụ Vica, bát sứ, bát sắt (cao 20, đường kính 20mm), dầu, dao thép.	
88	Xác định hệ số thích nước, độ trương nở của bột khoáng	22 TCN 58:1984, TCVN 12884- 2:2020	Cân kỹ thuật (0.01g), tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> c, chén xứ, chày có bịt cao su, ống đo 50ml, que thủy tinh, nước cất, dầu hỏa.	
<b>X</b>	<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>			
89	Xác định dung trọng, độ ẩm, độ chặt của đất, cát bằng phương pháp dao dai	22TCN 02:1971, TCVN 12791 : 2020, TCVN 8719 :2012	Dao dai tròn bằng thép dung tích > 100cm <sup>3</sup> , cân 10kg (0,1g), dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga, cùn, búa đóng 1,5kg, bay, cọ quét	Trần Tiến Mạnh Trần Huy Hoàng Nguyễn Việt Anh
90	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt của đất, cát, cấp phối đá dăm bằng phương pháp phễu rót cát	TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012; 22TCN 346:2006	Phễu rót cát; cát chuẩn; cân 30kg(5g); cân 6kg (0.1g); bếp ga sấy ẩm ; sàng (2.36; 0,15mm), sàng 19mm	
91	Xác định modul đàn hồi (E) nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng	TCVN 8861:2011	Cân benkelman, Tấm đỡ , Kích thủy lực 200kN	

	phương pháp sử dụng tấm ép cứng			
92	Xác định mô đun đàn hồi (E) chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2025	Cần benkelman, Tấm để , Kích thủy lực 32 tấn đồng hồ so 50mm(0.01mm), nhiệt kế điện tử 3000c, giấy kẻ ô ly, mỡ bò, búa đục	
93	Xác định mô đun biến dạng (E) tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354 : 2012	Cần benkelman, Tấm để , Kích thủy lực 200kN	
94	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011	Máy đo CBR hiện trường bao gồm ( gồm thân máy + vòng lực ) + đồng hồ so 0-20mm (0.01mm), bộ cần xuyên, chùy xuyên đường kính 49.99mm, tấm gia tải, giá bắt thiết bị đo CBR, bay, mui xúc.	
95	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m	
96	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Dụng cụ thí nghiệm rắc cát	
97	Xác định cường độ kéo nhỏ bê tông, bulong, thép khoan cấy, kéo cụm liên kết	TCVN 9490:2012	Kích thủy lực Nêm, neo	
98	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt của đất sau khi đầm nén tại hiện trường	TCVN 8728:2012, TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012	Cân kỹ thuật 6000g/0.1g, Khay đựng mẫu, Dao bay, cùn bép ga	
99	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở tiếp địa	
00	Thí nghiệm tải trọng tĩnh ép dọc trục, đẩy ngang, kéo nhỏ	TCVN 9393:2012	Bộ kích, dầm, tải,...	
<b>XI</b>	<b>GẠCH XÂY</b>			
01	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch xây	TCVN 6355- 1:2009	Thước kẹp	Trần Tiến Mạnh Trần Huy Hoàng Nguyễn Việt Anh
02	Cường độ nén, uốn của gạch xây	TCVN 6355-2- 3:2009	Máy nén, uốn, gá uốn ...	
03	Độ hút nước , khối lượng thể tích của gạch xây	TCVN 6355-4- 5:2009	Tủ sấy đến 300°c (±1 °C), cân kỹ thuật (0.1g), thước lá kim loại,	

			thước kẹp điện tử 200mm		
04	Xác định độ rỗng của gạch xây	TCVN 6355- 6:2009	Cân kỹ thuật (0,1g), thùng chứa mẫu, tấm kính, cát .		
<b>XII</b>	<b>GẠCH BÊ TÔNG, BÊ TÔNG TỰ CHÈN, BÊ TÔNG NHẸ</b>				
05	Xác định kích thước, độ hút nước, khuyết tật	TCVN 6477:2016 TCVN 6476:1999	Tủ sấy, thước kẹp, cân	Trần Tiến Mạnh Trần Huy Hoàng Nguyễn Việt Anh	
06	Xác định cường độ nén, độ thấm nước, độ rỗng, độ mài mòn	TCVN 6477:2016 TCVN 6476:1999	Máy thử nén, máy mài mòn, bộ thử thấm, tủ sấy, thước kẹp, cân,...		
07	Gạch Terazo: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, uốn, hút nước, mài mòn	TCVN 7744:2013	Máy thử nén, máy mài mòn, bộ thử thấm, tủ sấy, thước kẹp, cân,...		
08	Gạch xi măng, granito: Xác định kích thước, ngoại quan, độ hút nước, mài mòn, uốn, chịu lực va đập, độ cứng	TCVN 6065:1995 TCVN 6074:1995	Máy thử nén, máy mài mòn, bộ thử thấm, tủ sấy, thước kẹp, cân,...		
09	Gạch bê tông nhẹ: Xác định kích thước, cường độ, khối lượng thể tích, độ ẩm, độ co, hệ số dẫn nhiệt, vuông góc, khuyết tật	TCVN 7959:2017 TCVN 9030:2017 TCVN 9029:2017	Máy kéo nén 100kN( d= 0.001 kN), Tủ sấy đến Gá uốn Thước thép Thước kẹp		
10	Đá ốp lát tự nhiên: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ bền uốn-nén, độ hút nước, độ mài mòn bề mặt, khối lượng thể tích	TCVN 4732:2016	Máy kéo nén 100kN( d= 0.001 kN), Tủ sấy đến Gá uốn Thước thép Thước kẹp		
11	Đá ốp lát nhân tạo: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, chất lượng bề mặt, độ bền uốn, độ hút nước, độ mài mòn sâu, độ cứng bề mặt, độ bền chống bám bẩn	TCVN 8057:2009	Máy kéo nén 100kN( d= 0.001 kN), Tủ sấy đến Gá uốn Thước thép Thước kẹp		
12	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định tải trọng uốn gãy ngói, độ hút nước, thời gian xuyên nước, xác định khối lượng 1m <sup>2</sup> bão hòa nước	TCVN 4313:2023 TCVN 1453:2023 TCVN 7195:2002 TCVN 9133:2011	Máy kéo nén 100kN( d= 0.001 kN), Tủ sấy đến Gá uốn Thước thép Thước kẹp		
<b>XI</b> <b>II</b>	<b>GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ ỐP LÁT, GẠCH GÓM ĐUN ĐÉO</b>				
11 6	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt, khuyết tật ngoại quan	TCVN 6415-2:2016	Thước lá, thước kẹp		Trần Tiến Mạnh Trần Huy Hoàng Nguyễn Việt Anh
11 7	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối	TCVN 6415-3- 4:2016	Máy nén uốn		





## DANH MỤC MÁY MÓC THIẾT BỊ

(Kèm theo quyết định số: Số: 0906/2026/QĐ-CBNL ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Việt Thanh)

STT	Tên máy	Kiểu	Serial	Số lượng
1	Ổng đong thủy tinh các loại			
2	Sàng D300 các loại			
3	Phễu xác định độ xốp của đá			
4	Phễu xác định độ xốp của cát			
5	Thùng đong các loại			
6	Bộ nén dập xi lanh D150, D75			
7	Máy nén bê tông 2000KN	TYE-2000		
8	Nhiệt kế thủy tinh 300 độ			5
9	Khuôn lập phương 150mm			45
10	Bộ gá nhô Bulong hiện trường dùng M6-M24			1
11	Khuôn thấm D150xH150			10
12	Máy cưa cắt mẫu			1
13	Máy khoan rút lõi	HZ-15		1
14	Bộ côn sục			1
15	Máy kéo nén 1000KN	WE-1000B		1
16	Cối chày tiêu chuẩn			1
17	Cối chày cải tiến			1
18	Bộ dao vòng lấy mẫu đất			1
19	Phễu rót cát			1
20	Bộ giới hạn dẻo			1
21	Bộ giới hạn chảy			1
22	Hộp nhôm			10
23	Cối chày sứ			1
24	Pipet 5ml			1
25	Tủ sấy 300 độ	101-1		2
26	Lò nung 1200 độ	2,5-12		1
27	Cân điện tử 15kg x 0,5	ALC-15		1
28	Máy ly tâm tách nhựa	SLF-400		1

### Ghi chú:

- Danh mục trên không bao gồm hệ thống sàng, thước, thiết bị đo lường dung dịch, khuôn đúc, tải trọng chuẩn, v.v ... và hệ thống máy móc trang thiết bị phụ trợ khác;
- Các máy móc, thiết bị tại thời điểm, đều được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt;
- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/ hiệu chuẩn đúng theo quy định.

## DANH MỤC CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

(Kèm theo quyết định số: Số: 0906/2026/QĐ-CBNL ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Việt Thanh)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn Bằng cấp, chứng chỉ	Ghi chú
1	Trần Tiến Mạnh	Trưởng phòng	1. Bằng tốt nghiệp đại học: Đại học Tổ chức cấp bằng: Trường Đại học giao thông vận tải Ngành: Kinh tế vận tải. + Tốt nghiệp: 2015 + Loại bằng: Chính quy 2. Chứng chỉ Nghiệp vụ quản lý chất lượng phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 11859-A11856B/VNĐ-QL do Viện nghiên cứu và ứng dụng vật liệu xây dựng nhiệt đới. 3. Chứng chỉ Thí nghiệm viên chuyên ngành vật liệu xây dựng số 04083-A04088B/VNĐ-TNV do Viện nghiên cứu và ứng dụng vật liệu xây dựng nhiệt đới	
2	Trần Huy Hoàng	Thí nghiệm viên	1. Bằng đại học: Kỹ sư thủy lợi + Tổ chức cấp bằng: Đại học Thủy Lợi + Ngành: Kỹ thuật công trình xây dựng + Thời gian tốt nghiệp: 05/02/2018 - Chứng chỉ: Phương pháp xác định các tính chất cơ- lý của Thép. + Tổ chức cấp bằng: Viện Nghiên cứu và Ứng dụng VLXD Nhiệt đới + Loại bằng: Chứng chỉ	
3	Nguyễn Việt Anh	Thí nghiệm viên	- Bằng tốt nghiệp đại học: Kỹ sư giao thông + Tổ chức cấp bằng: Đại học giao thông vận tải + Ngành: kỹ thuật xây dựng + Tốt nghiệp: 11/02/2020 + Loại bằng: Chính quy - Chứng chỉ Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông và Vật liệu xây dựng + Tổ chức cấp bằng: Viện Nghiên cứu và Ứng dụng VLXD Nhiệt đới + Loại bằng: Chứng chỉ	

